

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường¹: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của: Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Capital Hà Nội tại Văn bản số 1606/CAPHN ngày 16/6/2025 và hồ sơ kèm theo; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 488/TTr-SNNMT ngày 20/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Capital Hà Nội, địa chỉ tại tầng 1, tháp B2, tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khu đô thị mới cạnh Trường Tiểu học Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang” tại phường Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu đô thị mới cạnh Trường Tiểu học Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập

¹ nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0108718942 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội² cấp đăng ký lần đầu ngày 02/5/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 07/01/2025.

Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Khu đô thị mới cạnh Trường Tiểu học Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang”.

Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần thứ nhất).

Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (điều chỉnh lần thứ hai).

1.4. Mã số thuế: 0108718942.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu đô thị mới.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

* Diện tích: 83.013,5 m².

* Nhóm dự án:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường³; có yếu tố nhạy cảm về môi trường⁴.

+ Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II⁵ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)

* Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường:

- Đầu tư khu đô thị mới hiện đại, đồng bộ về công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên khu đất có diện tích 83.013,5 m²:

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư xây dựng đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi ranh giới dự án theo quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới cạnh Trường Tiểu học Tân Mỹ, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang (tỷ lệ 1/500) được

² nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội.

³ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi tại mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

⁴ quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP (dự án có chuyển mục đích sử dụng 6,8 ha đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên).

⁵ quy định tại STT 5c mục II Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

UBND thành phố Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 02/10/2018; phê duyệt điều chỉnh cục bộ tại các Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 06/4/2020, số 1188/QĐ-UBND ngày 23/9/2021, số 1664/QĐ-UBND ngày 30/12/2024.

+ Công trình hạ tầng xã hội:

++ Nhà ở chung cư thương mại cao tầng: Đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại có kí hiệu CC với tổng diện tích khoảng 5.467 m², số tầng theo quy hoạch: 09 tầng.

++ Xây dựng nhà ở liền kề: Trong khu vực dự án không có các khu vực có yêu cầu cao về kiến trúc cảnh quan, các tuyến đường cấp khu vực, các tuyến đường cảnh quan chính trong đô thị nên không xây thô các lô đất trong dự án quy định của pháp luật.

- Quy mô dân số khoảng 1.700 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Capital Hà Nội có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Capital Hà Nội có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã nơi có dự án nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã nơi có dự án để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này được ký ban hành.

Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 09/08/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khu đô thị mới cạnh Trường Tiểu học Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang” do Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Capital Hà Nội làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp xã nơi có dự án, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Khu đô thị mới cạnh Trường Tiểu học Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang” tại phường Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang do Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Capital Hà Nội làm chủ dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 502/QĐ-SNNMT ngày 16/5/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Khu đô thị mới cạnh Trường Tiểu học Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Chi cục Thuế khu vực VI; Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang; Chủ tịch UBND phường Tân Mỹ; Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Capital Hà Nội và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phòng BVMT thuộc Sở NN&MT (lưu h/s);
- Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Capital Hà Nội (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTN; Công thông tin điện tử tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT. Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /6/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: 03 nguồn

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các hộ dân tại khu nhà ở liền kề, khu đất giao tái định cư và khu nhà ở cao tầng; từ các công trình công cộng (trường mầm non, công trình văn hoá, khu thương mại dịch vụ,...) trong phạm vi dự án.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ 35 hộ dân hiện trạng đường tỉnh 295B gần dự án.

- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ Trạm y tế phường Tân Mỹ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm được chảy vào hệ thống thoát nước chung của thành phố Bắc Giang.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thành phố Bắc Giang trên đường Võ Nguyên Giáp thuộc địa phận phường Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: 01 vị trí tại cống D1200 của hệ thống thoát nước chung của thành phố Bắc Giang trên đường Võ Nguyên Giáp thuộc địa phận phường Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2353490; Y = 413123 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 400 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 16,67 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý tại trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm của dự án được dẫn bằng cống HDPE D300 với chiều dài khoảng 145m vào hố ga thoát nước chung của dự án, sau đó chảy theo nguyên tắc tự chảy vào cống D1200 thuộc hệ thống thoát nước chung của thành phố Bắc Giang trên đường Võ Nguyên Giáp thuộc địa phận phường Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B) (từ ngày 01/9/2025, áp dụng QCVN 14:2025/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung), cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 14:2008/BTNMT, cột B	QCVN 14:2025/BTNMT cột B,	
1	pH	-	5 - 9	6-9	Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	≤40	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	≤60	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	-	
5	Tổng Cacbon hữu cơ (TOC)	mg/l	-	≤ 45	
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	≤ 0,5	
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	≤ 8,0	
8	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	-	≤ 30	
9	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	-	
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	≤ 15	
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	-	
12	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	-	≤ 5,0	
13	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	-	
14	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	≤5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các hộ dân tại khu nhà ở liền kề, khu đất giao tái định cư và khu nhà ở cao tầng sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi công trình được thu gom bằng hệ thống ống UPVC D140 có tổng chiều dài khoảng 105m, sau đó chảy vào hệ thống cống tròn HDPE D300, D400 với tổng chiều dài khoảng 1.837m dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm của dự án để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các công trình công cộng (trường mầm non, công trình văn hoá, khu thương mại dịch vụ,...) sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được chảy vào hệ thống cống tròn HDPE D300, D400 với tổng chiều dài khoảng 1.837m dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm của dự án để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ 35 hộ dân cư hiện trạng đường tỉnh 295B gần dự án được thu gom bằng rãnh thoát nước B300 xây bằng gạch có tổng chiều dài khoảng 37m và rãnh B400 có tổng chiều dài khoảng 190m dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm của dự án để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ Trạm y tế phường Tân Mỹ được thu gom bằng đường ống HDPE D200 có chiều dài khoảng 3 m sau đó chảy vào hệ thống cống tròn HDPE D300, D400 với tổng chiều dài khoảng 1.837 m dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm của dự án để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 400 m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các hộ dân tại khu nhà ở liền kề, khu đất giao tái định cư và khu nhà ở cao tầng và từ các công trình công cộng sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn + nước thải phát sinh từ 35 hộ dân cư hiện trạng đường 295B gần dự án + Nước thải phát sinh từ trạm y tế phường Tân Mỹ → Bể gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng (*Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B (từ ngày 01/9/2025 áp dụng QCVN 14:2025/ BTNMT, cột B)*) → Hệ thống thoát nước chung của thành phố Bắc Giang.

- Công suất thiết kế: 400 m³/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ AO kết hợp giá thể sinh học MBBR.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javen (NaOCl): 2 lít/ngày; Dinh dưỡng: 4 kg/ngày; NaOH: 1,5 kg/ngày hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố trạm xử lý nước thải

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành). Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Định kỳ bảo dưỡng các máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước thải theo tần suất khuyến cáo của nhà cung cấp thiết bị.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải

- Trường hợp máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước thải bị hư hỏng hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn xả thải, khi đó tạm dừng hoạt động trạm xử lý nước thải để tiến hành sửa chữa, thay thế kịp thời bằng các thiết bị, máy móc dự phòng.

- Trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc và phải dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải để khắc phục sự cố trong vòng 01 ngày, khi đó chủ dự án hoặc đơn vị được giao quản lý dự án thực hiện thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải của trạm xử lý nước thải và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua trạm xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt QCCP, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, chủ dự án hoặc đơn vị được giao quản lý dự án liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng trạm xử lý nước thải để kiểm tra, khắc phục, xử lý kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 10/2026 đến hết tháng 03/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 trạm xử lý tập trung công suất 400 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Nước thải đầu vào: Tại bể gom của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm.

- Nước thải đầu ra: Tại hố ga quan trắc nước thải sau trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu (giai đoạn vận hành ổn định):

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể gom của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m ³ /ngày đêm	Lấy mẫu đơn 01 lần. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Tháng 11/2026	pH, BOD ₅ (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng Cacbon hữu cơ (TOC), sunfua (tính theo H ₂ S), amoni (tính theo N), Tổng Nitơ (T-N), dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt anion, tổng Coliform.	QCVN 14:2025/ BTNMT, cột B
2	01 vị trí nước thải tại hố ga sau trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m ³ /ngày đêm	Lấy mẫu đơn 01 ngày/lần, trong vòng 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Tháng 11/2026	pH, BOD ₅ (20°C), tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng Cacbon hữu cơ (TOC), sunfua (tính theo H ₂ S), amoni (tính theo N), Tổng Nitơ (T-N), dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt anion, tổng Coliform.	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án hoặc đơn vị được giao quản lý dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

- Việc vận hành trạm xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung thông tin theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, chủ dự án hoặc đơn vị được giao quản lý dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /6/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm.

2. Dòng khí thải và vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải tại ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm.

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm.

- Tọa độ vị trí xả khí thải: X= 2353601; Y= 413094 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.000 m³/giờ, tương đương 48.000 m³/ngày đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục (24 giờ).

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) (từ ngày 01/7/2025, áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép			Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT, cột B	QCVN 20:2009/BTNMT	QCVN 19:2024/BTNMT, cột B	
1	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	50	-	≤ 20	Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	-	≤ 7	
3	Metyl mercaptan CH ₃ SH	mg/Nm ³	-	15	≤ 12	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung 400 m³/ngày đêm được thu gom bởi các ống uPVC D160 về hệ thống xử lý khí thải (mùi) của trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

- Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải (mùi): Khí thải (mùi) phát sinh từ các bể xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung 400 m³/ngày đêm → Đường ống thu khí → Bơm dẫn → Tháp hấp thụ (sử dụng dung dịch hóa chất) + hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải (*Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT (từ ngày 01/7/2025, áp dụng QCVN 19:2024/BTNMT, cột B)*) trước khi xả thải ra môi trường.

- Công suất hệ thống xử lý khí thải (mùi): 2.000 m³/giờ.

- Hóa chất sử dụng: NaOH: 1 kg/ngày, Javen (NaOCl) 1 kg/ngày và than hoạt tính: 500 kg/năm (được thay thế định kỳ sau 6 tháng sử dụng) hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A phụ lục này.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải (mùi) để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý khí thải (mùi) thực hiện vận hành.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 10/2026 đến hết tháng 3/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 400 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của dòng thải (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu (giai đoạn vận hành ổn định):

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400 m ³ /ngày đêm	Giai đoạn vận hành ổn định: Lấy mẫu đơn đầu ra với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Tháng 11/2026	Amoniac (NH ₃), Hydro sunphua (H ₂ S), Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	QCVN 19:2024/BTNMT, cột B

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, chủ dự án hoặc đơn vị được giao quản lý dự án phải báo cáo về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải (mùi) đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, chủ dự án hoặc đơn vị được giao quản lý dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã nơi có dự án để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /6/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 400m³/ngày đêm.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước thải, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của trạm xử lý nước thải.

- Trồng cây xanh quanh trạm xử lý nước thải theo quy định.

- Định kỳ (06 tháng/lần) kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu tại các bộ phận chuyển động các thiết bị, máy móc phát sinh tiếng ồn...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này và các Quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /6/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên khoảng 65kg/năm.

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	30	17 02 03
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	10	16 01 06
3	Pin, ắc quy thải	15	16 01 12
4	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	10	16 01 13
Tổng khối lượng		65	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (m ³ /năm)
1	Bùn phát sinh từ trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 400m ³ /ngày đêm	1,168
2	Bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải	38,8
Tổng khối lượng		39,968

1.3. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh khoảng 535 kg/năm

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giẻ lau dính dầu, mỡ, hóa chất	5	18 02 01
2	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	30	18 01 03

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
3	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	500	18 02 01
Tổng khối lượng		535	

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 850 kg/ngày, tương đương 310.250 kg/năm, thành phần chủ yếu là bao bì, thức ăn thừa, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Đối với các hộ gia đình trong dự án: Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân phân loại chất thải nguy hại, không vứt cùng với chất thải rắn sinh hoạt. Các hộ gia đình thu xếp chỗ chứa chất thải nguy hại phát sinh từ gia đình mình.

- Đối với các công trình công cộng (trường mầm non, công trình văn hoá, khu thương mại dịch vụ,...): Đơn vị được giao quản lý, sử dụng có trách nhiệm thực hiện quản lý CTNH theo đúng quy định của pháp luật về phân loại, lưu giữ, đồng thời hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH. Trong phạm vi mỗi công trình sẽ có kho lưu giữ CTNH theo quy định..

- Kho chứa chất thải nguy hại: Bố trí kho chứa CTNH có diện tích khoảng 6 m² nằm sát nhà điều hành của trạm xử lý nước thải, nền đổ bê tông chống thấm, có mái che, biển cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đối với các hộ gia đình trong dự án: Đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân phân loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, không vứt cùng với chất thải rắn sinh hoạt. Các hộ gia đình thu xếp chỗ chứa và chuyển giao cho đơn vị chức năng để tái chế, tái sử dụng hoặc xử lý theo quy định.

- Đối với các công trình công cộng (trường mầm non, công trình văn hoá, khu thương mại dịch vụ,...): Đơn vị được giao quản lý, sử dụng có trách nhiệm thực hiện quản lý theo đúng quy định của pháp luật về phân loại, lưu giữ; đồng thời hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường. Trong phạm vi mỗi công trình sẽ có kho lưu giữ chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Kho/khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: Không bố trí.

- Bể chứa bùn của trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung có thể tích 41,8m³, kết cấu bê tông cốt thép.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với các hộ gia đình trong dự án: Các hộ gia đình chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị vệ sinh môi trường thu gom theo khung giờ cố định, không vứt rác thải ra môi trường, đổ rác thải không đúng nơi quy định, giữ gìn vệ sinh môi trường nơi cư trú.

- Đối với các công trình công cộng (trường mầm non, công trình văn hoá, khu thương mại dịch vụ,...): Đơn vị được giao quản lý, sử dụng tự chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị chức năng theo hợp đồng vệ sinh môi trường. Trong phạm vi mỗi công trình sẽ có phương tiện, nơi lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

- Bố trí khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt tạm thời (ga gom rác) của dự án diện tích 150 m², bố trí gần trạm xử lý nước thải tập trung, nền đổ bê tông, xung quanh khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt tạm thời trồng cây bụi, cây tầm thấp và cây tầm cao để tạo khoảng cách ly với khu vực dân cư.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động, có các biện pháp khắc phục sự cố đối với trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và chỉ được tiếp tục hoạt động khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /6/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG: Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Capital Hà Nội hoặc đơn vị được giao quản lý dự án có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành thường xuyên trạm xử lý nước thải tập trung 400 m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các hộ dân tại khu nhà ở liền kề, khu đất giao tái định cư và khu nhà ở cao tầng; từ các công trình công cộng (trường mầm non, công trình văn hoá, khu thương mại dịch vụ,...) trong phạm vi dự án và nước thải phát sinh từ 35 hộ dân hiện trạng đường tỉnh 295B gần dự án; nước thải phát sinh từ Trạm y tế phường Tân Mỹ đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (từ ngày 01/9/2025, áp dụng QCVN 14:2025/BTNMT, cột B) trước khi xả thải hệ thống thoát nước chung của thành phố Bắc Giang.

- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải (mùi) công suất 2.000 m³/giờ để thu gom, xử lý toàn bộ khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt quy chuẩn Việt Nam hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã nơi có dự án trước ít nhất 10 (mười) ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát; thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, ... phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép môi trường này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 488/TTr-SNNMT ngày 20/6/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án./.